2. Mô tả tóm tắt học phần

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức thực tập và khóa luận dành cho sinh viên chuyên ngành Sư phạm Lịch sử.và ĐỊa lí. Người học có 3 tuần đến cơ sở thực tập để thực hiện và hoàn thành các nội dung sau:

- Tìm hiểu và viết bài thu hoạch về thực tế giáo dục ở trường cơ sở thực tập ;
- Tìm hiểu và viết bài thu hoạch về công việc của giáo viên bộ môn …;
- Tìm hiểu và viết bài thu hoạch về công việc của người giáo viên chủ nhiệm lớp;
- Dự giờ giảng dạy, sinh hoạt chủ nhiệm của giáo viên hướng dẫn. Trao đổi, thảo luận với giáo viên hướng dẫn và giáo sinh cùng nhóm để rút kinh nghiệm sau mỗi tiết dự giờ.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học phần này hình thành tri thức thực tiễn về nhà trường, các hoạt động dạy học, giáo dục ở cơ sở thực tập thông qua nhiệm vụ quan sát, trực tiếp tham gia hỗ trợ một số các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của người giáo viên; từ đó vận dụng vào học tập, rèn luyện hình thành năng lực và phẩm chất, đạo đức nhà giáo..

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

Học xong học phần kiến tập người học:

- CO1: Có tri thức về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, quy trình tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục ở cơ sở thực tập.

- CO2: Có khả năng đối sánh kế hoạch bài dạy, kế hoạch chủ nhiệm cho tuần, cho tiết sinh hoạt chủ nhiệm.

- CO3: Có tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.

- CO4: Có khả năng phân tích và xử lí các tình huống phát sinh trong môi trường sư phạm.

- CO5: Có ý thức kỉ luật, tác phong nhà giáo..

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của Pis
CLO1	Khái quát được đặc điểm, tình hình về nhà trường phổ thông, về công tác dạy học và chủ nhiệm lớp.	PI2.1 PI4.3	R R,A
CLO2	Phân tích được tiến trình dạy học và giáo dục thông qua hoạt	PI2.1	R

	động dự giờ chuyên môn, chủ nhiệm lớp.	PI4.2 PI4.3	R R
CLO3	Thiết kế được giáo án dạy học và giáo án sinh hoạt chủ nhiệm theo quy định.	PI2.3 PI2.4 PI3.1	R R R
CLO4	Vận dụng thành thạo và hiệu quả các phương thức giao tiếp phù hợp với tâm lý HS và đặc trưng môn học.	PI4.1 PI7.1	R R,A
CLO5	Thể hiện ý thức trách nhiệm, tính kỉ luật, tôn trọng tập thể và giải quyết tốt các tình huống trong môi trường sư phạm.	PI4.3 PI8.1 PI8.2 PI8.4	R R R R
CLO6	Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm hiệu quả.	PI7.2 PI7.3	M,A M,A

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)**															
	PLO1	**PLO2**				**PLO3**	**PLO4**			**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**			**PLO8**		
		PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI2.4	PI3.1	PI4.1	PI4.2	PI4.3			PI7.1	PI7.2	PI7.3	PI8.1	PI8.2	PI8.4
CLO 1		R							R								
CLO 2		R															
CLO3			R	R	M	R											
CLO 4							R					M,A					
CLO5									R						R,A	M	R,A
CLO6													M,A	M,A			
CLO7																	

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá tìm hiểu thực tế giáo dục	Tìm hiểu thực tế giáo dục	Báo cáo thu hoạch	Theo quy định kiến tập, thực tập sư phạm hiện hành	W1 100	W1 16,7	CLO1; CLO2
A2. Đánh giá dự giờ giảng dạy	A2.1. Tìm hiểu về công việc, hồ sơ của giáo viên bộ môn	Báo cáo thu hoạch		W2.1 33,3	W2 50	CLO1,2,4,5,6
	A2.2. Kiến tập giảng dạy	Phiếu đánh giá		W2.2 66,7		
A3. Đánh giá kiến tập chủ nhiệm	A3.1. Tìm hiểu về công việc, hồ sơ của giáo viên chủ nhiệm	Báo cáo thu hoạch		W3.1 33,3	W3 33	CLO1 - CLO1,2,4,5,6
	A3.2. Kiến tập chủ nhiệm	Phiếu đánh giá		W3.2 66,7		

6.2. Nhiệm vụ của người học

- Tham gia đầy đủ các hoạt động kiến tập theo kế hoạch của nhà trường.

- Hoàn thành yêu cầu, nhiệm vụ của giáo viên hướng dẫn.

- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần về tìm hiểu trường, các giáo án dự giờ chuyên môn và dự giờ công tác chủ nhiệm.

- Hoàn thành hồ sơ kiến tập.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số giờ (LT/ THL1/ THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		

1	Hoạt động 1: Tìm hiểu thực tế giáo dục 1.1 Tiếp cận trường, lớp và giáo viên hướng dẫn kiến tập sư phạm 1.2 Nghe báo cáo chung về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và hoạt động cơ bản của trường phổ thông; phương hướng, kế hoạch hoạt động; tình hình học sinh và những công việc cụ thể của giáo sinh trong thời gian kiến tập. 1.3. Viết bài thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục	0/0/40	Thuyết trình	Thực hành	A1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
2	Hoạt động 2: Thực hành kiến tập giảng dạy 2.1. Tìm hiểu nội dung công việc của giáo viên tổ bộ môn 2.2. Tìm hiểu nội dung, chương trình, sách giáo khoa, kế hoạch giảng dạy. 2.3. Tìm hiểu hồ sơ sổ sách lớp học, cách cho điểm, đánh giá... 2.4. Dự giờ giáo viên hướng dẫn theo định mức 4 tiết/giáo sinh 2.5. Xây dựng kế hoạch bài dạy trước khi dự giờ 2.6. Viết bài thu hoạch về công việc và hồ sơ của giáo viên bộ môn	0/0/40	Thuyết trình	Thực hành	A2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
3	Hoạt động 3: Thực hành kiến tập chủ nhiệm 3.1. Tìm hiểu nội dung công	0/0/30	Thuyết trình	Thực hành	A3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

	việc của giáo chủ nhiệm lớp. 3.2. Tìm hiểu hồ sơ công tác chủ nhiệm lớp, cách phân loại học lực, hạnh kiểm ... 3.3. Dự giờ sinh hoạt chủ nhiệm của giáo viên hướng dẫn theo định mức 2 tiết/giáo sinh, tham dự ngoại khóa... 3.4. Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm tuần, tiết sinh hoạt trước khi dự giờ. 3.5. Viết bài thu hoạch tìm hiểu về công việc, hồ sơ của giáo viên chủ nhiệm					CLO5 CLO6
	Nội dung 4. Sơ kết, tổng kết, hồ sơ kiến tập sư phạm 4.1. Sơ kết kiến tập sư phạm. 4.2. Tổng kết kiến tập sư phạm. 4.3. Hoàn thiện Hồ sơ kiến tập sư phạm.	0/0/10	Thuyết trình	Thực hành		

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Sách, bài giảng, giáo trình chính			
1	Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng	2020	Quy định Kiến tập và Thực tập sư phạm	Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng
	Sách, giáo trình tham khảo			
1	Bộ Giáo dục và đào tạo	2001	Quy chế kiến tập, thực tập sư phạm	NXB Thống kê
2	Nguyễn Đình Chỉnh	1991	Thực tập Sư phạm	NXB Giáo dục Việt Nam

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung	Link trang web	Ngày cập

	tham khảo		**nhật**
1	Quy định của Trường ĐHSP – ĐHĐN	http://daotao.ued.udn.vn/thuc-tap-su-pham-hoc-ky-2-nam-hoc-2010-2021/quy_dinh_kien_tap_thuc_tap_1639_dn/	02/7/2021
2	Chương trình tổng thể	http://rgep.moet.gov.vn/chuong-trinh-gdpt-moi/chuong-trinh-cac-mon-hoc/gioi-thieu-tom-tat/gioi-thieu-tom-tat-chuong-trinh-tong-the-4764.html	17/1/2019
3	Chương trình môn Lịch sử	http://rgep.moet.gov.vn/chuong-trinh-gdpt-moi/chuong-trinh-cac-mon-hoc/gioi-thieu-tom-tat/gioi-thieu-tom-tat-chuong-trinh-mon-lich-su-4772.html	28/12/2018

		Đà Nẵng, ngày tháng năm 2021
Trưởng khoa	**Trưởng bộ môn**	**Giảng viên biên soạn**
	TS. Trương Anh Thuận	**ThS. Trương Trung Phương**

57. THỰC TẬP SƯ PHẠM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA LỊCH SỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	**Tên học phần (tiếng Việt)**	**Thực tập sư phạm**
1.2	**Tên học phần (tiếng Anh)**	Pedagogical internship
1.3	**Mã học phần:**	30341843
1.4.	**Số tín chỉ:**	4TC
1.5.	**Phân bố thời gian:**	
-	Lý thuyết:	0 TC (0 tiết)
-	Thực hành loại 1:	0 TC (0 tiết)
-	Thực hành loại 2:	4TC (240 tiết)
-	Tự học:	120 tiết
1.6.	**Các giảng viên phụ trách học phần:**	
-	Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Trương Trung Phương
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Đặng Thị Thùy Dương
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Lịch sử Việt Nam và PPDH
1.7.	**Điều kiện tham gia học phần:**	
-	Học phần tiên quyết:	
-	Học phần học trước:	Kiến tập sư phạm
-	Học phần song hành:	
1.8	**Loại học phần:**	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	**Thuộc khối kiến thức**	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☒ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức thực tập và khóa luận trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử. Người học có 8 tuần đến cơ sở thực tập để thực hiện và hoàn thành các nội dung sau:

- Thực hành các khâu của quy trình dạy học từ việc chuẩn bị đến việc lên lớp, củng cố kiến thức, chấm bài kiểm tra, vào điểm,…

- Thực hành các nghiệp vụ của giáo viên chủ nhiệm từ nắm bắt tình hình lớp, đội ngũ cán bộ lớp, hội cha mẹ học sinh, tổ chức các phong trào thi đua học tập và rèn luyện cho học sinh, đánh giá, xếp loại học sinh,…

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể của trường để tổ chức lễ kỷ niệm các ngày lễ lớn, hoạt động trải nghiệm, hoạt động xã hội, lao động công ích,...

- Trao đổi với giáo viên hướng dẫn và giáo sinh cùng nhóm để rút kinh nghiệm sau mỗi tiết lên lớp.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học phần này hình thành cho người học các kỹ năng nghề nghiệp; phẩm chất, đạo đức nhà giáo, ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ thực tập dạy học, giáo dục tại cơ sở thực tập theo quy định.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

Học xong học phần Thực tập sư phạm người học:

- CO1: Có năng lực tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục trong lĩnh vực Lịch sử và Địa lí

- CO2: Có kĩ năng kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

- **CO3:** Có khả năng giải quyết các tình huống phát sinh trong môi trường sư phạm;

- **CO4:** Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; ý thức phục vụ cộng đồng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của PIs
CLO1	Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục người học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực.	2.1 2.2	R R

		3.1	M
CLO2	Thực hiện hoạt động dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực	2.3 2.4	R,A R
CLO3	Phối hợp với các lực lượng giáo dục tại cơ sở thực tập tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, phục vụ cộng đồng.	4.3 7.2 8.3	M M,A M
CLO4	Phát hiện và giải quyết những tình huống học tập đa dạng xảy ra trong cơ sở thực tập	4.1 4.2	R,A M,A
CLO5	Quản lí tập thể học sinh và quản lí hành vi học sinh	4.1 4.2	R,A M,A
CLO6	Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với phẩm chất, đạo đức nhà giáo	7.1 8.1 8.4	M,A M,A M,A

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)**													
	PLO2				**PLO3**	**PLO4**			**PLO7**			**PLO8**		
	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI2.4	PI3.1	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI7.1	PI7.2	PI7.3	PI8.1	PI8.3	PI8.4
CLO 1	**R**	R			M									
CLO 2			R,A	R										
CLO3								M		M,A	M,A		M	
CLO 4						R,A	M,A							
CLO5						R,A	M,A							
CLO6									M,A			MA,		M,A

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A2. Đánh giá Thực tập giảng dạy	Thực tập giảng dạy trên lớp	Phiếu đánh giá	Theo Quy định Kiến tập, Thực tập sư phạm hiện hành	W2 100%	W2 60%	CLO1 -6
A3. Đánh giá Thực tập chủ nhiệm	Thực tập chủ nhiệm	Phiếu đánh giá		W3 100%	W3 40%	CLO1 -6

6.2. Nhiệm vụ của người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia tất cả các buổi dự giờ của GV hướng dẫn giảng dạy;
- Tham gia các hoạt động chủ nhiệm lớp, công tác hoạt động tại trường;
- Thực hiện đầy đủ các tiết giảng dạy theo quy định;
- Thực hiện đầy đủ các tiết chủ nhiệm theo quy định;
- Hoàn thiện hồ sơ thực tập.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số giờ (LT/ THL2/ THL2)	Hoạt động thực tập		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Giáo viên hướng dẫn	Giáo sinh		
1	Hoạt động 1: Thực tập giảng dạy 1.1. Lập kế hoạch thực tập giảng dạy. 1.2. Dự giờ giảng dạy của giáo viên hướng dẫn giảng dạy 1 tiết. Hoạt động 2: Thực tập	0/0/15	Thuyết trình	Thực hành	A2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

	chủ nhiệm 2.1. Lập kế hoạch thực tập giảng dạy. 2.2. Dự giờ chủ nhiệm của giáo viên hướng dẫn 1 tiết.					
2	Hoạt động 1: Thực tập giảng dạy 1.4. Dự giờ giáo sinh cùng nhóm chuyên môn 3 tiết. 1.5. Xây dựng kế hoạch bài dạy trình giáo viên hướng dẫn phê duyệt Hoạt động 2: Thực tập chủ nhiệm 2.3. Xây dựng giáo án chủ nhiệm trình giáo viên hướng dẫn phê duyệt.	0/0/35	Thuyết trình	Thực hành	A2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
3	Hoạt động 1: Thực tập giảng dạy 1.6. Thực tập giảng dạy (tiết 1). Hoạt động 2: Thực tập chủ nhiệm 2.4. Thực tập chủ nhiệm (tiết 1).	0/0/35	Thuyết trình	Thực hành	A2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
4	Hoạt động 1: Thực tập giảng dạy 1.6. Thực tập giảng dạy (tiết 2). Hoạt động 2: Thực tập chủ nhiệm 2.4. Thực tập chủ nhiệm (tiết 2).	0/0/35	Thuyết trình	Thực hành	A2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
5	Hoạt động 1: Thực tập	0/0/35	Thuyết	Thực	A3	CLO1

	giảng dạy 1.6. Thực tập giảng dạy (tiết 3). Hoạt động 2: Thực tập chủ nhiệm 2.4. Thực tập chủ nhiệm (tiết 3).		trình	hành		CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
6	Hoạt động 1: Thực tập giảng dạy 1.6. Thực tập giảng dạy (tiết 4). Hoạt động 2: Thực tập chủ nhiệm 2.4. Thực tập chủ nhiệm (tiết 4).	0/0/35	Thuyết trình	Thực hành	A3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
7	Hoạt động 1: Thực tập giảng dạy 1.6. Thực tập giảng dạy (tiết 5). Hoạt động 2: Thực tập chủ nhiệm 2.4. Thực tập chủ nhiệm (tiết 5).	0/0/35	Thuyết trình	Thực hành	A2 A3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
8	Hoạt động 3: Sơ kết, tổng kết và hồ sơ thực tập sư phạm 4.1. Sơ kết thực tập sư phạm 4.2. Tổng kết thực tập sư phạm 4.3. Hồ sơ thực tập sư phạm	0/0/15	Thuyết trình	Thực hành	A2 A3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Sách, bài giảng, giáo trình chính			
1	Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng	2020	Quy định Kiến tập và Thực tập sư phạm	Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng
	Sách, giáo trình tham khảo			
1	Bộ Giáo dục và đào tạo	2001	Quy chế kiến tập, thực tập sư phạm	NXB Thống kê
2	Nguyễn Đình Chỉnh	1991	Thực tập Sư phạm	Nxb Giáo dục Việt Nam

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Quy định của Trường ĐHSP - ĐHĐN	http://daotao.ued.udn.vn/thuc-tap-su-pham-hoc-ky-2-nam-hoc-2010-2021/quy_dinh_kien_tap_thuc_tap_1639_dn/	2/7/2021
2	Chương trình tổng thể	http://rgep.moet.gov.vn/chuong-trinh-gdpt-moi/chuong-trinh-cac-mon-hoc/gioi-thieu-tom-tat/gioi-thieu-tom-tat-chuong-trinh-tong-the-4764.html	17/1/2019
3	Chương trình môn Lịch sử	http://rgep.moet.gov.vn/chuong-trinh-gdpt-moi/chuong-trinh-cac-mon-hoc/gioi-thieu-tom-tat/gioi-thieu-tom-tat-chuong-trinh-mon-lich-su-4772.html	28/12/2018

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2021

Trưởng khoa **Trưởng bộ môn** **Giảng viên biên soạn**

TS. Trương Anh Thuận **ThS. Trương Trung Phương**

58. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA: LỊCH SỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	**Tên học phần (tiếng Việt)**	**Khóa luận tốt nghiệp**
1.2	**Tên học phần (tiếng Anh)**	**Graduation thesis**
1.3	**Mã học phần:**	31861338
1.4.	**Số tín chỉ:**	6TC
1.5.	**Phân bố thời gian:**	
-	Lý thuyết:	0TC (0 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	6TC (90 tiết)
-	Thực hành Loại 2:	0TC (0 tiết)
-	Tự học:	180 tiết
1.6.	**Các giảng viên phụ trách học phần:**	
-	Giảng viên phụ trách chính:	Khoa Lịch sử, Khoa Địa lí
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Khoa Lịch sử, Khoa Địa lí
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Lịch sử Việt Nam và phương pháp dạy học Lịch sử thế giới Địa lí tự nhiên và phương pháp dạy học Địa lí kinh tế xã hội
1.7.	**Điều kiện tham gia học phần:**	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	**Loại học phần:**	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	**Thuộc khối kiến thức**	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☒ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Khóa luận tốt nghiệp là học phần giúp sinh viên được tập dượt về hoạt động nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở những kiến thức đã học sinh viên lựa chọn đề tài, lập đề cương và hoàn thành nội dung đề tài nghiên cứu theo sự định hướng của giảng viên hướng dẫn. Qua quá trình này giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, khắc sâu thêm kiến thức chuyên ngành tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển và học lên bậc học cao hơn của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Bên cạnh giảng dạy, nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của sinh viên ở bậc đại học. Thông qua hoạt động này sẽ giúp sinh viên thể hiệ được cách tiếp cận, nhìn nhận đánh giá của mình đối với các vấn đề nghiên cứu về lịch sử, địa lí và khoa học giáo dục. Vì vậy, khi đăng kí tham gia thực hiện kháo luận tốt nghiệp, sinh viên sẽ có được cơ hội tốt để thực hành và hiểu rõ hơn quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học, cách xác định một đề tài nghiên cứu khoa học, tiếp cận các nguồn tài liệu và định hướng phương pháp nghiên cứu để hoàn thiện đề tài nghiên cứu khoa học mà mình đã xác định. Qua đó, không chỉ giúp sinh viên phát triển được năng lực nghiên cứu khoa học, phát huy sức sáng tạo và năng lực tư duy của mình, giúp sinh viên có khả năng tự học và phát triển năng lực nghề nghiệp suốt đời.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có:

- **CO1:** Kiến thức về các các công việc, gia đoạn để hoàn thành một đề tài khó luận tốt nghiệp.

- **CO2:** Khả năng vận dụng được những kiến thức đã học để xaccs định và thực hiện được một đề tài nghiên cứu hoàn chỉnh.

- **CO3:** Khả năng vận dụng kỹ năng năng làm việc nhóm, giao tiếp và công nghệ thông tin để hoàn thiện và bỏ về được đề tài nghiên cứu.

CO4: Thể hiện được ý thức phát triển năng lực nghiên cứu và học tập tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ đáp ứng Pis
CLO1	Vận dụng những kiến thức lịch sử và địa lí xây dựng nội dung đề tài khóa luận nghiên cứu	PI1.4	R
CLO2	Đề xuất hướng nghiên cứu, đề tài nghiên cứu và trao	PI5.1	M

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ đáp ứng Pis
	đối với giáo viên hướng dẫn để xác định đề tài khóa luận vừa có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn.	PI8.4	M
CLO3	Phân tích làm rõ về phần mở đầu, cấu trúc các chương mục và nguồn tài liệu nghiên cứu đề tài để hoàn thiện bản thuyết minh của đề tài.	PI5.2 PI6.1	M R
CLO4	Tiến hành sưu tầm tài liệu, chọn phương pháp tiếp cận phù hợp xây dựng nội dung đề tài khóa luận.	PI5.2	M
CLO5	Sử dụng ngoại ngữ để khai thác thông tin từ các nguồn tài liệu tham khảo nước ngoài liên quan đến đề tài nghiên cứu	PI3.3	R
CLO6	Viết được báo cáo kết quả nghiên cứu theo quy định của một công Trình nghiên cứu khoa học	PI5.3	M
CLO7	Thiết kế power point nội dung nghiên cứu và trình bày trước hội đồng đánh giá khóa luận.	PI3.1	I
CLO8	Trình bày và trả lời được những câu hỏi liên quan đến đề tài khóa luận của mình trước hội đồng đánh giá khóa luận.	PI5.3	M

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chừa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)							
	PLO1	PLO3		PLO5			PLO6	PLO8
	PI1.4	PI3.1	PI3.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI8.4
CLO 1	R							
CLO 2				M				M
CLO 3					M		R	

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)							
	PLO1	PLO3		PLO5			PLO6	PLO8
CLO 4					M		R	
CLO 5			R					
CLO 6						M		
CLO 7		I						
CLO 8						M		

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Đánh giá chuyên cần, thái độ học tập	P1.1. Quan sát.	R.01	W1.1. 100%	W1. 20%	CLO 1-8
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1. Bảo vệ khóa luận	P2.1. Bài khóa luận tốt nghiệp	R.07	W2.1 100%	W2. 80%	CLO 8

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:
- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần	Nội dung chi tiết của hoạt động thực hiện khoa luận tốt nghiệp	Số tiết (LT/ THL1 /THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Hoạt 1: Hoàn thiện tên đề tài nghiên cứu khóa luận tốt nghiệp. - Đề xuất tên đề tài nghiên cứu và thống nhất với giảng viên cố vấn. - Hoàn thiện tên đề tài nghiên cứu theo góp ý của hội đồng Khoa.	0/6/0	Giảng viên định hướng cho sinh viên lựa chọn đề tài nghiên cứu có đoáng góp về mặt khoa học và thực tiễn.	Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu tham khảo đề xuất đề tài nghiên cứu..	A1.1	CLO1,2
2	Hoạt động 2. Xây dựng đề cương chí tiết và kế hoạch nghiên cứu đề tài. - Thống nhất với giáo viên hướng dẫn và xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học - Hoàn thiện đề cương nghiên cứu trên cơ sở góp ý của các thầy cô giáo trong Khoa. - Thống nhất xây dựng kế hoạch nghiên cứu với giảng viên hướng dẫn.	0/6/0	Giảng viên định hướng sinh viên các công việc cần làm, những địa điểm, nguồn tài liệu cần khai thác để hoàn thiện nội dung đề tài nghiên cứu.	Sinh viên tiến hành: - Sưu tầm các nguồn tài liệu, hoàn thiện các nội dung của đề tài nghiên cứu. - Cụ thể hóa các mốc thời gian triển khai khóa luận tốt nghiệp	A1.1	CLO3
3-12	Hoạt động 3: Thực hiện đề tài nghiên cứu - Sư tầm tài liệu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài. - Tổng hợp, xử lí tài liệu sưu tầm được và hoàn thiện nội dung	0/60/0	Giảng viên định hướng, hỗ trợ cho nội dung từng chương mục trong đề tài nghiên cứu khóa luận của	Sinh viên sưu tầm tài liệu, hoàn thiện nội dung từng chương mục và chỉnh sửa theo góp ý của giảng viên	A1.1	CLO4,5

	từng chương mục.		sinh viên.	hướng dẫn.		
13-14	Hoạt động 4: - Hoàn thiện bản báo cáo đề tài khóa luận. - Chuẩn bị slide và nội dung bảo về kháo luận tốt nghiệp	0/12/0	Giảng viên rà soát đồng ý cho sinh viên hoàn thiện và in thành phẩm khóa luận tốt nghiệp.	Sinh viên rà soát lại lỗi chỉnh tả, lỗi văn bản và quy định thực hiện kháo luận của nhà trường để hoàn thiện bản cuối và tiến hành in ấn.	A1.1 A2.1	CLO6
15	Hoạt động 5: Bảo vệ kháo luận tốt nghiệp - Trình bày kết quả nghiên cứu - Bảo vệ được đề tài nghiên cứu khóa luận.	0/6/0	- Giảng viên tham gia chấm đề tài nghiên cứu khóa luận của sinh viên. - Giải thích thêm một số vấn đề sinh viên chưa có lý giải đầy đủ trước hội đồng nghiên cứu.	- Sinh viên chuẩn bị slide báo cáo, nội dung báo cáo cô đọng, đầy đủ. - Bảo vệ được đề tài nghiên cứu.	A1.1 A2.1	CLO7,8

8. Học liệu

- Sinh viên chủ động tìm hiểu và tiếp cận trước một số sách, tài liệu, giáo trình, tạp chí liên quan đến đề tài khóa luận tốt nghiệp.

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (*nếu có*)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…	Số lượng	

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 7 năm 2021

Trưởng khoa	**Trưởng bộ môn**	**Giảng viên biên soạn**
TS. Trương Trung Phương	***TS. Trương Anh Thuận***	***ThS. Đặng Thị Thùy Dương***

59. CHUYÊN LUẬN TỐT NGHIỆP 1 (KHOA HỌC LỊCH SỬ, ĐỊA LÍ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA: LỊCH SỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	**Tên học phần (tiếng Việt)**	**Chuyên luận tốt nghiệp 1 (Khoa học Lịch sử, Địa lí)**
1.2	**Tên học phần (tiếng Anh)**	**Graduation Project 1 (Science of History, Geographic)**
1.3	Mã học phần:	31831090
1.4.	**Số tín chỉ:**	3TC
1.5.	**Phân bố thời gian:**	
-	Lý thuyết:	0TC (0 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	3TC (45 tiết)
-	Thực hành Loại 2:	0TC (0 tiết)
-	Tự học:	90 tiết
1.6.	**Các giảng viên phụ trách học phần:**	
-	Giảng viên phụ trách chính:	Khoa Lịch sử, Khoa Địa lí
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Khoa Lịch sử, Khoa Địa lí
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Lịch sử Việt Nam và phương pháp dạy học Lịch sử thế giới Địa lí tự nhiên và phương pháp dạy học Địa lí kinh tế xã hội
1.7.	**Điều kiện tham gia học phần:**	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	**Loại học phần:**	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	**Thuộc khối kiến thức**	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☒ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và

2. Mô tả tóm tắt học phần

Chuyên luận tốt nghiệp 1 là một trong hai học phần tự chọn bắt buộc thay thế cho học phần khóa luận, nhằm giúp sinh viên được tập dượt về hoạt động nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở những kiến thức đã học sinh viên lựa chọn đề tài, lập đề cương và hoàn thành nội dung đề tài nghiên cứu liên quan đến khoa học lịch sử, địa lí theo sự định hướng của giảng viên hướng dẫn. Qua quá trình này giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, khắc sâu thêm kiến thức chuyên ngành tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển và học lên bậc học cao hơn của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Bên cạnh giảng dạy, nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của sinh viên ở bậc đại học. Thông qua hoạt động này sẽ giúp sinh viên thể hiện được cách tiếp cận, nhìn nhận đánh giá của mình đối với các vấn đề nghiên cứu về lịch sử, địa lí. Vì vậy, khi đăng kí tham gia thực hiện chuyên luận tốt nghiệp, sinh viên sẽ có được cơ hội tốt để thực hành và hiểu rõ hơn quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học, cách xác định một đề tài nghiên cứu khoa học, tiếp cận các nguồn tài liệu và định hướng phương pháp nghiên cứu để hoàn thiện đề tài nghiên cứu khoa học mà mình đã xác định. Qua đó, không chỉ giúp sinh viên phát triển được năng lực nghiên cứu khoa học, phát huy sức sáng tạo và năng lực tư duy của mình, giúp sinh viên có khả năng tự học và phát triển năng lực nghề nghiệp suốt đời.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có:

- **CO1:** Kiến thức về các các công việc, giai đoạn để hoàn thành một đề tài chuyên luận tốt nghiệp 1.

- **CO2:** Khả năng vận dụng được những kiến thức đã học để xác định và thực hiện được một đề tài nghiên cứu hoàn chỉnh.

- **CO3:** Khả năng vận dụng kỹ năng năng làm việc nhóm, giao tiếp và công nghệ thông tin để hoàn thiện được đề tài chuyên luận.

- **CO4:** Thể hiện được ý thức phát triển năng lực nghiên cứu và học tập tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của Pis
CLO1	Vận dụng những kiến thức lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới, địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế xã hội xây dựng nội dung đề tài chuyên luậntốt nghiệp 1.	PI1.4	R
CLO2	Đề xuất hướng nghiên cứu, đề tài nghiên cứu về lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới, địa lí tự nhiên,	PI5.1	R

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của Pis
	địa lí kinh tế xã hội và trao đổi với giáo viên hướng dẫn để xác định đề tài tiểu luận vừa có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn.	PI8.4	R
CLO3	Phân tích làm rõ về phần mở đầu, cấu trúc các chương mục và nguồn tài liệu nghiên cứu đề tài để hoàn thiện bản thuyết minh của đề tài.	PI5.2	R
CLO4	Sử dụng ngoại ngữ để khai thác thông tin từ các nguồn tài liệu tham khảo nước ngoài liên quan đến đề tài nghiên cứu	PI3.3	R
CLO5	Sưu tầm tài liệu, chọn phương pháp tiếp cận phù hợp xây dựng nội dung đề tài tiểu luận.	PI5.2	R
CLO6	Hoàn thiện bài tiểu luận về lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới, địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế xã hội theo đúng quy định.	PI5.3	R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chừa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)					
	PLO1	**PLO2**	**PLO5**			**PLO8**
	PI1.4	PI3.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI8.4
CLO 1	R					
CLO 2			R			R
CLO 3				R		
CLO 4		R				
CLO 5				R		
CLO 6					R	

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Đánh giá chuyên cần, thái độ học tập	P1.1. Quan sát.	R.01	W1.1 100%	W1. 20%	CLO 1-6
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1. Bảo vệ bài chuyên luận	P2.1. Bài chuyên luận và và trình bày bằng powerpoint	R.07	W2.1. 100%	W2. 80%	CLO 6

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Xây dựng đề cương chi tiết;
- Nghiên cứu tài liệu;
- Thực hiện các nội dung, tiến độ theo yêu cầu của đồ án;
- Thuyết trình, bảo vệ chuyên luận.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần	Nội dung chi tiết của hoạt động thực hiện khoa luận tốt nghiệp	**Số tiết (LT/** THL1 /THL)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	**Phương pháp học tập**		
1	Hoạt 1: Hoàn thiện tên đề tài nghiên cứu chuyên luận tốt nghiệp 1. - Đề xuất tên đề tài nghiên cứu và thống nhất với giảng viên cố vấn.	0/6/0	Giảng viên định hướng cho sinh viên lựa chọn đề tài nghiên cứu có đoáng góp về mặt khoa học và thực tiễn.	Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu tham khảo đề xuất đề tài nghiên cứu..	A1.1	CLO1,2
2	Hoạt động 2. Xây dựng đề cương chí tiết và kế	0/6/0	Giảng viên định hướng sinh viên các	Sinh viên tiến hành: - Sưu tầm các	A1.1	CLO3

	hoạch nghiên cứu đề tài. - Thống nhất với giáo viên hướng dẫn và xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học - Thống nhất xây dựng kế hoạch nghiên cứu với giảng viên hướng dẫn.		công việc cần làm, những địa điểm, nguồn tài liệu cần khai thác để hoàn thiện nội dung đề tài nghiên cứu.	nguồn tài liệu, hoàn thiện các nội dung của đề tài nghiên cứu. - Cụ thể hóa các mốc thời gian triển khai chuyên luận tốt nghiệp 1		
3-12	Hoạt động 3: Thực hiện chuyên luận tốt nghiệp 1 - Sư tầm tài liệu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài chuyên luận tốt nghiệp 1. - Tổng hợp, xử lí tài liệu sưu tầm được và hoàn thiện nội dung từng chương mục.	0/60/0	Giảng viên định hướng, hỗ trợ cho nội dung từng chương mục trong đề tài nghiên cứu chuyên luận của sinh viên.	Sinh viên sưu tầm tài liệu, hoàn thiện nội dung từng chương mục và chỉnh sửa theo góp ý của giảng viên hướng dẫn.	A1.1	CLO4,5
13-14	Hoạt động 4: - Hoàn thiện bản báo cáo đề tài chuyên luận tốt nghiệp 1. - Chuẩn bị slide và nội dung bảo về chuyên luận tốt nghiệp 1.	0/12/0	Giảng viên rà soát đồng ý cho sinh viên hoàn thiện và in thành phẩm chuyên luận tốt nghiệp 1.	Sinh viên rà soát lại lỗi chỉnh tả, lỗi văn bản và quy định thực hiện chuyên luận của nhà trường để hoàn thiện bản cuối và tiến hành in ấn.	A1.1 A2.1	CLO6
15	Hoạt động 5: Nộp chuyên luận tốt nghiệp	0/6/0	- Giảng viên thu chuyên luận sinh viên và chấm bài.	- Sinh viên nộp chuyên luận đúng thời hạn.	A1.1 A2.1	CLO7,8

8. Học liệu

- Sinh viên chủ động tìm hiểu và tiếp cận trước một số sách, tài liệu, giáo trình, tạp chí liên quan đến đề tài chuyên luận tốt nghiệp.

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (*nếu có*)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…	Số lượng	

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 7 năm 2021

Trưởng khoa	Trưởng bộ môn	Giảng viên biên soạn
ThS. Trương Trung Phương	*TS. Trương Anh Thuận*	*ThS. Đặng Thị Thùy Dương*

60. CHUYÊN LUẬN TỐT NGHIỆP 2 (KHOA HỌC GIÁO DỤC)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA: LỊCH SỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	**Tên học phần (tiếng Việt)**	**Chuyên luận tốt nghiệp 2 (Khoa học Giáo dục)**
1.2	**Tên học phần (tiếng Anh)**	**Graduation Project 2 (Science of Education)**
1.3	Mã học phần:	31831077
1.4.	**Số tín chỉ:**	3TC
1.5.	**Phân bố thời gian:**	
-	Lý thuyết:	0TC (0 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	3TC (45 tiết)
-	Thực hành Loại 2:	0TC (0 tiết)
-	Tự học:	90 tiết
1.6.	**Các giảng viên phụ trách học phần:**	
-	Giảng viên phụ trách chính:	Khoa Lịch sử, Khoa Địa lí
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Khoa Lịch sử, Khoa Địa lí
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Lịch sử Việt Nam và phương pháp dạy học Địa lí tự nhiên và phương pháp dạy học
1.7.	**Điều kiện tham gia học phần:**	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	**Loại học phần:**	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	**Thuộc khối kiến thức**	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☒ Kiến thức Thực tập và

2. Mô tả tóm tắt học phần

Chuyên luận tốt nghiệp 1 là một trong hai học phần tự chọn bắt buộc thay thế cho học phần khóa luận, nhằm giúp sinh viên được tập dượt về hoạt động nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở những kiến thức đã học sinh viên lựa chọn đề tài, lập đề cương và hoàn thành nội dung đề tài nghiên cứu liên quan đến khoa học giáo dục theo sự định hướng của giảng viên hướng dẫn. Qua quá trình này giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, khắc sâu thêm kiến thức chuyên ngành tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển và học lên bậc học cao hơn của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

3. Mục tiêu học phần

3.2. Mục tiêu chung

Bên cạnh giảng dạy, nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của sinh viên ở bậc đại học. Thông qua hoạt động này sẽ giúp sinh viên thể hiện được cách tiếp cận, nhìn nhận đánh giá của mình đối với các vấn đề nghiên cứu về giáo dục và lý luận dạy học lịch sử, địa lí. Vì vậy, khi đăng kí tham gia thực hiện chuyên luận tốt nghiệp, sinh viên sẽ có được cơ hội tốt để thực hành và hiểu rõ hơn quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học, cách xác định một đề tài nghiên cứu khoa học, tiếp cận các nguồn tài liệu và định hướng phương pháp nghiên cứu để hoàn thiện đề tài nghiên cứu khoa học mà mình đã xác định. Qua đó, không chỉ giúp sinh viên phát triển được năng lực nghiên cứu khoa học, phát huy sức sáng tạo và năng lực tư duy của mình, giúp sinh viên có khả năng tự học và phát triển năng lực nghề nghiệp suốt đời.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có:

- **CO1:** Kiến thức về các các công việc, giai đoạn để hoàn thành một đề tài chuyên luận tốt nghiệp.

- **CO2:** Khả năng vận dụng được những kiến thức đã học để xác định và thực hiện được một đề tài nghiên cứu hoàn chỉnh.

- **CO3:** Khả năng vận dụng kỹ năng năng làm việc nhóm, giao tiếp và công nghệ thông tin để hoàn thiện được đề tài chuyên luận.

CO4: Thể hiện được ý thức phát triển năng lực nghiên cứu và học tập tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của PIs
CLO1	Đề xuất hướng nghiên cứu, đề tài nghiên cứu về khoa học giáo dục lịch sử, địa lí và trao đổi với giáo viên hướng dẫn để xác định đề tài tiểu luận vừa có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn.	PI5.1 PI8.4	R R
CLO2	Tích hợp kiến thức lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới, địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế xã hội xây dựng nội dung đề tài nghiên cứu về khoa học giáo dục.	PI1.4	R
CLO3	Phân tích làm rõ về phần mở đầu, cấu trúc các chương mục và nguồn tài liệu nghiên cứu đề tài để hoàn thiện bản thuyết minh của đề tài.	PI5.2	R
CLO4	Tiến hành sưu tầm tài liệu, chọn phương pháp tiếp cận phù hợp xây dựng nội dung đề tài tiểu luận.	PI5.2	R
CLO5	Sử dụng ngoại ngữ để khai thác thông tin từ các nguồn tài liệu tham khảo nước ngoài liên quan đến đề tài nghiên cứu	PI3.3	R
CLO6	Hoàn thiện bài tiểu luận về phương pháp dạy học lịch sử theo đúng quy định.	PI5.3	R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chừa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)					
	PLO1	**PLO3**	**PLO5**			**PLO8**
	PI1.2	**PI3.3**	**PI5.1**	**PI5.2**	**PI5.3**	**R**
CLO 1			R			
CLO 2	R					
CLO 3				R		
CLO 4				R		
CLO 5		R				

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)					
	PLO1	PLO3	PLO5			PLO8
CLO 6					R	

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Đánh giá chuyên cần, thái độ học tập	P1.1. Quan sát.	R.01	W1.1 100%	W1. 20%	CLO 1-6
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1. Bảo vệ bài chuyên luận	P2.1. Bài chuyên luận và và trình bày bằng powerpoint	R.07	W2.1. 100%	W2. 80%	CLO6

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Xây dựng đề cương chi tiết;
- Nghiên cứu tài liệu;
- Thực hiện các nội dung, tiến độ theo yêu cầu của đồ án;
- Thuyết trình, bảo vệ chuyên luận.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần	Nội dung chi tiết của hoạt động thực hiện khoa luận tốt nghiệp	Số tiết (LT/ THL1/ THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Hoạt 1: Hoàn	0/6/0	Giảng viên định	Sinh viên tìm	A1.1	CLO1,2

	thiện tên đề tài nghiên cứu chuyên luận tốt nghiệp 2. - Đề xuất tên đề tài nghiên cứu và thống nhất với giảng viên cố vấn.		hướng cho sinh viên lựa chọn đề tài nghiên cứu có đoáng góp về mặt khoa học và thực tiễn.	hiểu, nghiên cứu tài liệu tham khảo đề xuất đề tài nghiên cứu..		
2	Hoạt động 2. Xây dựng đề cương chí tiết và kế hoạch nghiên cứu đề tài. - Thống nhất với giáo viên hướng dẫn và xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học - Thống nhất xây dựng kế hoạch nghiên cứu với giảng viên hướng dẫn.	0/6/0	Giảng viên định hướng sinh viên các công việc cần làm, những địa điểm, nguồn tài liệu cần khai thác để hoàn thiện nội dung đề tài nghiên cứu.	Sinh viên tiến hành: - Sưu tầm các nguồn tài liệu, hoàn thiện các nội dung của đề tài nghiên cứu. - Cụ thể hóa các mốc thời gian triển khai chuyên luận tốt nghiệp 2	A1.1	CLO3
3-12	Hoạt động 3: Thực hiện chuyên luận tốt nghiệp 2 - Sư tầm tài liệu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài chuyên luận tốt nghiệp 2. - Tổng hợp, xử lí tài liệu sưu tầm được và hoàn thiện nội	0/60/0	Giảng viên định hướng, hỗ trợ cho nội dung từng chương mục trong đề tài nghiên cứu chuyên luận của sinh viên.	Sinh viên sưu tầm tài liệu, hoàn thiện nội dung từng chương mục và chỉnh sửa theo góp ý của giảng viên hướng dẫn.	A1.1	CLO4,5

	dung từng chương mục.					
13-14	Hoạt động 4: - Hoàn thiện bản báo cáo đề tài chuyên luận tốt nghiệp 2. - Chuẩn bị slide và nội dung bảo về chuyên luận tốt nghiệp 2.	0/12/0	Giảng viên rà soát đồng ý cho sinh viên hoàn thiện và in thành phẩm chuyên luận tốt nghiệp 2.	Sinh viên rà soát lại lỗi chỉnh tả, lỗi văn bản và quy định thực hiện chuyên luận của nhà trường để hoàn thiện bản cuối và tiến hành in ấn.	A1.1 A2.1	CLO6
15	Hoạt động 5: Nộp chuyên luận tốt nghiệp	0/6/0	- Giảng viên thu chuyên luận sinh viên và chấm bài.	- Sinh viên nộp chuyên luận đúng thời hạn.	A1.1 A2.1	CLO6

8. Học liệu

- Sinh viên chủ động tìm hiểu và tiếp cận trước một số sách, tài liệu, giáo trình, tạp chí liên quan đến đề tài chuyên luận tốt nghiệp.

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (*nếu có*)

TT	**Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH**	**Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH**		**Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương**
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…	**Số lượng**	

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 7 năm 2021

Trưởng khoa	**Trưởng bộ môn**	**Giảng viên biên soạn**
ThS. Trương Trung Phương	***TS. Trương Anh Thuận***	***ThS. Đặng Thị Thùy Dương***

PHỤ LỤC 1.2. RUBRIC CÁC HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

R.01. Rubric đánh giá chuyên cần - tham gia hoạt động

Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
	A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
Chuyên cần	Tham gia đầy đủ và đúng giờ tất cả các buổi học	Vắng 1 buổi không có lý do chính đáng hoặc 2 buổi có lý do chính đáng; đôi lúc đi trễ	Vắng 2 buổi không có lý do chính đáng hoặc 3-4 buổi có lý do chính đáng; thỉnh thoảng đi trễ	Vắng 3 buổi không có lý do chính đáng hoặc 5 buổi có lý do chính đáng; hay đi trễ	Vắng trên 3 buổi không có lý do chính đáng hoặc trên 5 buổi có lý do chính đáng; thường xuyên đi trễ	50% (5 điểm)
Tham gia các hoạt động trên lớp	Luôn luôn chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; luôn đưa ra các ý kiến sát đúng với nội dung bài học; chủ động triển khai các hoạt động thảo luận Nhóm	Tương đối chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; thường xuyên đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học; tham gia tích cực các hoạt động thảo luận Nhóm	Có tham gia các hoạt động trên lớp nhưng đôi lúc chưa được chủ động và tích cực; thỉnh thoảng đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học; tham gia các hoạt động thảo luận nhóm	Chưa chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chỉ trả lời khi được gọi; đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học khi được gợi ý; thỉnh thoảng tham gia các hoạt động thảo luận Nhóm	Không tham gia các hoạt động trên lớp, chỉ trả lời khi được gọi; không đưa ra được các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học khi được gợi ý; không tham gia các hoạt động thảo luận Nhóm	50% (5 điểm)

** Các lý do chính đáng bao gồm: thiên tai, tang gia (ông bà, bố mẹ, anh chị em ruột), cưới hỏi của bản thân, nằm viện có giấy xác nhận, tham gia các hoạt động đoàn thể được điều động theo danh sách và một số trường hợp đặc biệt khác được sự đồng ý của các cấp có thẩm quyền*

R.02. RUBRIC ĐÁNH GIÁ TIỂU LUẬN CÁ NHÂN

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	**Hình thức**	*Bố cục*	Bố cục đầy đủ các phần và độ dài theo quy định của Khoa; các chương mục rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 20% so với quy định của Khoa; các chương mục tương đối rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 30% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 40% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch từ 50% trở lên so với quy định của Khoa; các chương mục không rõ ràng và lô- gic.	100% (10 điểm)
		Tài liệu tham khảo	Nguồn TLTK phong phú, chính thống; danh mục TLTK được sắp xếp hợp lý và đúng yêu cầu, các chú dẫn được trích dẫn đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK khá phong phú, chính thống; ⅓ TLTK chưa được sắp xếp đúng quy định và một số trích dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK chưa phong phú, một số tài liệu thiếu tính chính thống; khoảng ½ TLTK bị sắp xếp lộn xộn và thiếu các chú dẫn theo thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, đa số không chính thống; khoảng 2/3 mục trích dẫn TLTK và các chú dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, không chính thống; sắp xếp TLTK và các chú dẫn không đúng thể thức quy định.	

		Lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt, hình thức trình bày	Không có lỗi về ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt súc tích, mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Còn một số ít lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Khá nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt thiếu mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ tương đối rõ ràng, đúng quy định.	Nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt lủng củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ chưa rõ ràng, chưa đúng quy định.	Còn rất nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; văn phong không phù hợp, câu văn lủng củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định.	
2	**Nội dung**	*Luận điểm*	Có đưa ra quan điểm cá nhân có tính khoa học và sáng tạo; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng và toàn diện.	Có đưa ra quan điểm cá nhân có tính khoa học; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng.	Có đưa ra quan điểm cá nhân nhưng tính khoa học không cao; nêu luận điểm tương đối rõ ràng, phân tích chưa toàn diện.	Chưa đưa ra được quan điểm cá nhân; nêu luận điểm nhưng không phân tích.	Không đưa ra được quan điểm cá nhân và luận điểm mà chỉ tổng hợp từ các nguồn TLTK.	**7**0% (7 điểm)
		Dẫn chứng	Nêu và phân tích dẫn chứng một cách logic, khoa học, bảo vệ được luận điểm.	Có nêu nhưng chưa phân tích chi tiết các dẫn chứng dù có thể phần nào đó bảo vệ được luận điểm.	Chỉ nêu và không phân tích dẫn chứng, không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Có rất ít dẫn chứng, hoàn toàn không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Không có dẫn chứng minh họa.	

R.03. RUBRIC ĐÁNH GIÁ TIỂU LUẬN NHÓM

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	**B (7,0-8,4)**	**C (5,5-6,9)**	**D (4,0-5,4)**	**F (<4,0)**	
1	**Hình thức**	*Bố cục*	Bố cục đầy đủ các phần và độ dài theo quy định của Khoa; các chương mục rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 20% so với quy định của Khoa; các chương mục tương đối rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 30% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 40% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch từ 50% trở lên so với quy định của Khoa; các chương mục không rõ ràng và lô-gic.	40% (4 điểm)
		Tài liệu tham khảo	Nguồn TLTK phong phú, chính thống; danh mục TLTK được sắp xếp hợp lý và đúng yêu cầu, các chú dẫn được trích dẫn đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK khá phong phú, chính thống; ⅓ TLTK chưa được sắp xếp đúng quy định và một số trích dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK chưa phong phú, một số tài liệu thiếu tính chính thống; khoảng ½ TLTK bị sắp xếp lộn xộn và thiếu các chú dẫn theo thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, đa số không chính thống; khoảng 2/3 mục trích dẫn TLTK và các chú dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, không chính thống; sắp xếp TLTK và các chú dẫn không đúng thể thức quy định.	

		Lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt, hình thức trình bày	Không có lỗi về ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt súc tích, mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Còn một số ít lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Khá nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt thiếu mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ tương đối rõ ràng, đúng quy định.	Nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt lủng củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ chưa rõ ràng, chưa đúng quy định.	Còn rất nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; văn phong không phù hợp, câu văn lủng củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định.	
2	**Nội dung**	*Luận điểm*	Có đưa ra quan điểm cá nhân có tính khoa học và sáng tạo; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng và toàn diện.	Có đưa ra quan điểm cá nhân có tính khoa học; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng.	Có đưa ra quan điểm cá nhân nhưng tính khoa học không cao; nêu luận điểm tương đối rõ ràng, phân tích chưa toàn diện.	Chưa đưa ra được quan điểm cá nhân; nêu luận điểm nhưng không phân tích.	Không đưa ra được quan điểm cá nhân và luận điểm mà chỉ tổng hợp từ các nguồn TLTK.	50% (5 điểm)
			Dẫn chứng	Nêu và phân tích dẫn chứng một cách logic, khoa học, bảo vệ được luận điểm.	Có nêu nhưng chưa phân tích chi tiết các dẫn chứng dù có thể phần nào đó bảo vệ được luận điểm.	Chỉ nêu và không phân tích dẫn chứng, không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Có rất ít dẫn chứng, hoàn toàn không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫ chứng.	

3	**Kỹ năng nhóm**	*Hiệu quả làm việc nhóm*	Các thành viên hoàn tốt nhiệm vụ của mình. Tất cả thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; nhóm trả lời tốt các câu hỏi của đề tài.	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt trong chất lượng công việc của các thành viên; 80% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 80% câu hỏi của đề tài.	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt rõ ràng trong chất lượng công việc của các thành viên; 60% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 60% câu hỏi của đề tài.	Một số thành viên không tham gia làm việc nhóm; dưới 50% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời được dưới 50% câu hỏi của đề tài.	Các thành viên không hoàn thành công việc đúng khối lượng và thời gian quy định; dưới 50% các thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm không trả lời được các câu hỏi của đề tài.	10% (0,5 điểm)
		Khả năng lãnh đạo	Phân chia công việc hợp lý; có kỹ năng giải quyết vấn đề hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý; một số vấn đề của nhóm chưa được giải quyết hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý	Phân chia công việc chưa hợp lý	Phân chia công việc không hợp lý	5% (0,5 điểm)

* **<u>Lưu ý</u>**: Bài tiểu luận có tỷ lệ sao chép nguyên văn, không trích dẫn nguồn từ 30% trở lên sẽ bị đánh giá là đạo văn và nhận điểm

R.04. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH NHÓM

TT	Tiêu chí Chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	**Nội dung**	*Nội dung*	Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; tất cả các nội dung đều có phân tích rõ ràng, có luận điểm hoặc ví dụ minh họa.	Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; một số nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa.	Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; khoảng 1/2 nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa	Trình bày không đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung chưa được nêu ra một cách logic; khoảng 2/3 nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa.	Trình bày nhiều nội dung không đúng nội dung của đề tài.	40% (4 điểm)
2	**Thuyết trình**	*Bố cục*	Bố cục đầy đủ các mục so với quy định.	Bố cục thiếu tối đa 2 mục so với quy định.	Bố cục còn thiếu tối đa 3 mục so với quy định.	Bố cục còn thiếu tối đa 4 mục so với quy định	Bố cục lủng củng, các mục sắp xếp lộn xộn, thiếu nội dung so với quy định	40% (4 điểm)
		Phong cách	Phong cách trình bày tự tin; Diễn đạt gãy gọn, súc tích, giọng nói rõ ràng, dễ nghe; Không phụ thuộc vào	Phong cách trình bày tự tin; Diễn đạt tương đối gãy gọn, súc tích, giọng nói khá rõ ràng, dễ nghe; Đôi chỗ còn phụ thuộc vào slides; Sử	Phong cách trình bày chưa thật tự tin; Diễn đạt một số chỗ chưa gãy gọn, súc tích, giọng nói rõ ràng, dễ nghe; Còn	Phong cách trình bày chưa tự tin; Diễn đạt còn lúng túng, giọng nói không rõ ràng, dễ nghe; Còn phụ thuộc nhiều vào slides;	Không tự tin khi trình bày; diễn đạt lủng củng, khó hiểu; Giọng nói nhỏ, khó nghe; Phụ thuộc hoàn toàn vào slides;	

		thuyết trình	slides; Sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và tương tác tốt với người nghe	dụng tương đối tốt ngôn ngữ hình thể và có tương tác với người nghe	phụ thuộc vào slides; Chưa sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và chưa tương tác với người nghe	Chưa sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và chưa tương tác với người nghe	Không tương tác với người nghe	
		Hình thức slides	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa chất lượng tốt, phù hợp với nội dung; Các hiệu ứng được sử dụng hợp lý; Phối màu đẹp, rõ ràng, nổi bật nội dung.	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa phù hợp với nội dung; Các hiệu ứng được sử dụng tương đối hợp lý; Phối màu rõ ràng	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Có hình ảnh minh họa hưng một số chỗ chưa phù hợp với nội dung; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu chưa nổi bật nội dung	Font chữ, màu chữ chưa hợp lý, có khó khăn khi đọc từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa sơ sài, chưa phù hợp với nội dung; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu chưa nổi bật nội dung	Font chữ, màu chữ chưa hợp lý, có khó khăn khi đọc từ giữa lớp; Không có hình ảnh minh họa; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu không hợp lý	
		Thời gian trình bày	Đúng thời gian quy định	Quá thời gian quy định < 2 phút	Quá thời gian quy định từ 2 đến < 4 phút	Quá thời gian quy định từ 4 đến < 5 phút	Quá thời gian quy định >5 phút	
3	**Kỹ năng Nhóm**	*Hiệu quả làm việc nhóm*	Các thành viên hoàn tốt nhiệm vụ của mình. Tất cả thành viên hiểu rõ đề tài	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt trong chất lượng	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt rõ	Một số thành viên không tham gia làm việc nhóm; dưới 50% thành viên hiểu rõ đề	Các thành viên không hoàn thành công việc đúng khối lượng và thời gian	15% (1,5 điểm)

			trình bày của nhóm; nhóm trả lời tốt các câu hỏi của đề tài.	công việc của các thành viên; 80% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 80% câu hỏi của đề tài.	ràng trong chất lượng công việc của các thành viên; 60% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 60% câu hỏi của đề tài.	tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời được dưới 50% câu hỏi của đề tài.	quy định; dưới 50% các thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm không trả lời ược các câu hỏi của đề tài.	
		Khả năng lãnh đạo	Phân chia công việc hợp lý; có kỹ năng giải quyết vấn đề hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý; một số vấn đề của nhóm chưa được giải quyết hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý	Phân chia công việc chưa hợp lý	Phân chia công việc không hợp lý	5% (0,5 điểm)

R.05. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VẤN ĐÁP

TT	Tiêu chí Chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	**Kiến thức**		Thể hiện hiểu biết sâu sắc về chủ đề.	Thể hiện hiểu biết tương đối về chủ đề.	Thể hiện hiểu biết nhưng chưa sâu sắc về chủ đề.	Thể hiện hiểu biết rời rạc thiếu tính hệ thống về chủ đề.	Không có hiểu biết về chủ đề hoặc lạc đề.	40% (4 điểm)
2	**Kỹ năng lập luận**	*Luận điểm*	Nêu và phân tích luận điểm rõ ràng, chi tiết đối với tất cả các vấn đề, có nêu và phân tích phản biện luận điểm.	Chỉ nêu luận điểm đối với một số vấn đề, có phân tích tổng quát các luận điểm nhưng không phân tích phản biện luận điểm	Khoảng 1/2 tổng số vấn đề còn thiếu luận điểm phân tích, chưa phân tích tổng quát đối với 1/2 tổng số luận điểm và phản biện luận điểm	Khoảng 2/3 tổng số vấn đề còn thiếu luận điểm phân tích, không phân tích mà chỉ nêu luận điểm	Không nêu được luận điểm, không có dẫn chứng chi tiết.	40% (4 điểm)
		Dẫn chứng	Nêu và phân tích dẫn chứng một cách logic, khoa học, bảo vệ được luận điểm.	Có nêu nhưng chưa phân tích chi tiết các dẫn chứng dù có thể phần nào đó bảo vệ được luận điểm.	Chỉ nêu và không phân tích dẫn chứng, không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Có rất ít dẫn chứng, hoàn toàn không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Không có dẫn chứng minh họa.	

		Cấu trúc câu trả lời	Các luận điểm được sắp xếp theo trình tự phát triển logic.	Các luận điểm được sắp xếp tương đối logic. Một vài điểm chưa hợp lý.	Khoảng ½ luận điểm thiếu liên kết mạch lạc, thiếu logic.	Khoảng 2/3 luận điểm thiếu liên kết mạch lạc, thiếu logic.	Các luận điểm không được sắp xếp theo trật tự logic, khó hiểu.	
3	**Phản xạ**		Ngay lập tức đưa ra câu trả lời rõ ràng đúng trọng tâm, không cần gợi mở từ phía giáo viên.	Cần thời gian từ 5-10 giây để trả lời câu hỏi ở mức độ tổng quan, đi vào chi tiết với câu hỏi gợi mở từ phía giáo viên.	Lúng túng trước câu hỏi. Trả lời được ở mức độ tổng quan sau khi giáo viên đặt câu hỏi gợi mở.	Không hiểu câu hỏi và yêu cầu giáo viên nhắc lại câu hỏi hoặc gợi mở. Trả lời chưa rõ ràng sau khi giáo viên đặt câu hỏi gợi mở.	Không trả lời được câu hỏi kể cả khi giáo viên đã đặt nhiều câu hỏi gợi mở.	20% (2 điểm)

R.06. KIỂM TRA TỰ LUẬN

TT	Tiêu chí Chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	**Nội dung và hình thức trình bày**	*Câu hỏi bậc 1: trình bày tái hiện kiến thức*	- Trình bày đúng và đầy đủ các nội dung nêu trong đáp án. - Không có hoặc có 1-2 lỗi chính tả và diễn đạt.	- Trình bày đúng và đạt 70-80% nội dung nêu trong đáp án. - Có 3-4 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt	- Trình bày đúng và đạt 50-60% nội dung nêu trong đáp án. - Có 5-6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.	- Trình bày đúng và đạt 40-50% nội dung nêu trong đáp án. - Có trên 6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.	- Trình bày đúng và đạt dưới 40% nội dung trong đáp áp. - Có trên 6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.	Giảng viên điều chỉnh theo từng đề thi cụ thể
		Câu hỏi bậc 2,3: Phân tích, chứng minh, đánh giá vấn đề, vận dụng	- Thể hiện hiểu biết sâu sắc và quan điểm cá nhân về vấn đề nêu ra. - Có dẫn chứng và lập luận thuyết phục để bảo vệ quan điểm của mình. - Vận dụng kiến	- Thể hiện hiểu biết tương đối toàn diện về vấn đề nêu ra. - Có đưa ra quan điểm cá nhân. - Dẫn chứng và lập luận chưa thực sự chặt chẽ. - Vận dụng được	- Thể hiện được hiểu biết về vấn đề. - Chưa đưa ra được ý kiến cá nhân. - Chưa nêu được dẫn chứng và xây dựng lập luận. - Chưa vận dụng	- Trình bày vấn đề một cách đơn giản. - Chưa đưa ra được ý kiến cá nhân. - Chưa nêu được dẫn chứng và xây dựng lập luận. - Chưa vận dụng	Trình bày một cách sơ sài về vấn đề được yêu cầu.	

			thức, kĩ năng đã học một cách thuyết phục. - Không có hoặc có 1-2 lỗi chính tả và diễn đạt	kiến thức kĩ năng đã học nhưng chưa thuyết phục. - Có 3-4 lỗi chính tả và diễn đạt.	được kiến thức, kĩ năng đã học. - Có 5-6 lỗi chính tả và diễn đạt.	được kiến thức, kĩ năng đã học. - Có trên 6 lỗi chính tả và diễn đạt.		

R.07. RUBRIC ĐÁNH GIÁ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng (HD chấm)
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
PHẦN 1. QUYỂN KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP								
1	**Đề tài và phương pháp nghiên cứu**	*Đề tài*	Đề tài liên quan và có ý nghĩa đối với ngành học hoặc có giá trị thực tiễn cao.	Đề tài tương đối liên quan và tương đối có ý nghĩa đối với ngành học hoặc có giá trị thực tiễn.	Đề tài có mức độ liên quan và có ý nghĩa đối với ngành học hoặc có giá trị thực tiễn ở mức độ trung bình.	Đề tài ít liên quan và không có ý nghĩa đáng kể đối với ngành học và không có giá trị thực tiễn đáng kể.	Không liên quan và không có ý nghĩa đối với ngành học, không có giá trị thực tiễn.	**10%**
		Phương pháp nghiên cứu	Phương pháp nghiên cứu phù hợp và đa dạng; các dữ liệu và số liệu được sử dụng, lý giải hợp lý và sáng tạo.	Phương pháp nghiên cứu phù hợp và đa dạng; các dữ liệu và số liệu được sử dụng, lý giải hợp lý.	Phương pháp nghiên cứu tương đối phù hợp và đa dạng; các dữ liệu và số liệu được sử dụng, lý giải tương đối hợp lý.	Phương pháp nghiên cứu tương đối phù hợp nhưng chưa đa dạng; một phần các dữ liệu và số liệu chưa được sử dụng, lý giải hợp lý.	Phương pháp nghiên cứu không phù hợp với đề tài; các dữ liệu và số liệu chưa được sử dụng và lý giải hợp lý.	**10%**
2	**Hình thức**	*Bố cục*	Bố cục đầy đủ các phần và độ dài theo quy định của Khoa; các chương mục rõ ràng và lô- gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 20% so với quy định của Khoa; các chương mục tương đối rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 30% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 40% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch từ 50% trở lên so với quy định của Khoa; các chương mục không rõ ràng và lô-gic.	5%